

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt bổ sung Chương trình
khuyến nông Trung ương giai đoạn 2020 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia tại Tờ trình số 1137/TTr-KN ngày 13/12/2020 về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông bổ sung giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Chương trình khuyến nông Trung ương giai đoạn 2020 - 2025 tại 04 (bốn) Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c)
- Lưu: VT, KHCN (L.H.K 15b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam

Phụ lục I
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT – BẢO VỆ THỰC VẬT
GIẢI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BNN-KHCN ngày tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Phát triển nông nghiệp hữu cơ và tận dụng phế phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu phục vụ kinh tế tuần hoàn thúc đẩy tăng trưởng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn và tăng trưởng xanh. - Ứng dụng các chế phẩm sinh học gồm: Xử lý phế phụ phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nhằm giảm chi phí và thân thiện với môi trường. 	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất hữu cơ đối với cây chủ lực và cây trồng lợi thế của từng địa phương. - Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý phế phụ phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản ... sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn tại các vùng có điều kiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô đạt khoảng 1.000 ha cây trồng chủ lực và cây trồng lợi thế ..., năng suất tương đương với sản xuất đại trà, sản phẩm của mô hình đạt tiêu chuẩn hữu cơ. Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 30% so với sản xuất đại trà. - 2.000 hộ nông dân hiểu và sản xuất được phân hữu cơ vi sinh từ xử lý phế phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản ... xây dựng khoảng 1.000 ha mô hình ứng dụng phân bón hữu cơ vi sinh tái sản xuất, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm, mô hình đạt 30% mức độ tuần hoàn. - Nhân rộng mô hình tăng trên 20% so với trước khi triển khai chương trình.
2	Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề; sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn	<p>Khai thác lợi thế của địa phương để phát triển vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề làm cơ sở ổn định chất lượng và chứng nhận sản phẩm (OCOP) gắn với du lịch sinh thái, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cho người dân.</p>	Toàn quốc	<p>Xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất sản phẩm đặc sản, bản địa, đặc trưng, hình thành vùng nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề; sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt khoảng 1.000 ha (lúa, khoai bản địa, chè, bí xanh, dong riềng, dâu tằm, sắn ...) đạt năng suất và ổn định chất lượng phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Tổ chức quản lý sản xuất liên kết theo chuỗi (sản xuất - thu hoạch - sơ chế, chế biến) gắn với doanh nghiệp tiêu thụ. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà. - Quy mô diện tích nhân rộng $\geq 20\%$ so với

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
					trước khi triển khai.
3	Thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng (từ sản xuất – bảo quản – chế biến) ... chú trọng sử dụng các sản phẩm phụ và phát triển bền vững. - Áp dụng đồng bộ các giải pháp KHCN trong sản xuất một số cây trồng chính..., tận dụng và xử lý triệt để phế phụ phẩm; giảm ít nhất 15% chi phí đầu vào, góp phần nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. 	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình sản xuất lúa đại điền ứng dụng cơ giới hoá đồng bộ và xử lý, tận dụng triệt để phế phụ phẩm (rom, rạ, trấu, cám...). - Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hoá đồng bộ sản xuất rau màu. - Xây dựng mô hình sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt khoảng 2.000 ha lúa chất lượng cao; 2.000 ha rau màu, năng suất cao hơn 10% so với đại trà. - Giảm chi phí đầu vào trên 15%, sản phẩm đạt tiêu chuẩn chứng nhận chất lượng, liên kết theo chuỗi giá trị được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. - Giảm tổn thất sau thu hoạch và đa dạng sản phẩm sau thu hoạch. - Hình thành các mô hình liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, Tổ dịch vụ cơ giới hoá gắn với tổ khuyến nông cộng đồng. - Quy mô diện tích nhân rộng $\geq 20\%$ so với trước khi triển khai.
4	Phát triển vùng nguyên liệu bền vững cho các sản phẩm chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung, ổn định theo chuỗi giá trị tuần hoàn, bền vững phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường. - Nâng cao năng lực, phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu chủ lực đảm bảo chất lượng, gắn với chuỗi giá trị. 	Miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ; Tây Nguyên; Đồng bằng sông Cửu Long.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và phát triển mô hình cà phê cảnh quan, cà phê đặc sản và tái canh cà phê bền vững (Vùng Tây Nguyên và Tây bắc). - Xây dựng mô hình canh tác mía bền vững phát triển vùng nguyên liệu mía đường phía Tây Nghệ An, Thanh Hoá. - Xây dựng và phát triển mô hình canh tác sắn chống chịu bệnh khảm lá và hình thành vùng nguyên liệu phát triển bền vững tại các vùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt khoảng 3.000 ha cây trồng, hiệu quả cao hơn 10% so với đại trà. - Hình thành các vùng nguyên liệu, tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tổ khuyến nông cộng đồng. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chứng nhận theo các tiêu chuẩn trong nước/nhà máy/xuất khẩu, được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. - Nhân rộng $\geq 20\%$ diện tích mô hình so với trước khi triển khai.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
				trồng chính. - Xây dựng vùng chuyên canh cây ăn quả theo VietGAP (Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Miền núi phía Bắc).	

Phụ lục II

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI – THỨ Y GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BNN-KHCN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Phát triển chăn nuôi hữu cơ, tuần hoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần thực hiện Đề án Nông nghiệp hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. - Ứng dụng các TBKT, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. - Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/ Nhóm liên kết/ Tổ khuyến nông cộng đồng...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi. 	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc theo hướng hữu cơ. - Xây dựng mô hình chăn nuôi động vật khác theo hướng hữu cơ. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gia súc ăn cỏ tuần hoàn khép kín. - Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn tuần hoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 10 mô hình chăn nuôi gia cầm theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 15.000 - 20.000 con/mô hình. - 10 mô hình chăn nuôi gia súc theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 500-1000 con/mô hình. - 6 mô hình chăn nuôi vật nuôi (ong, tằm...) theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 500-1.000 con, đàn, lứa/mô hình. - 8 mô hình chăn nuôi gia súc tuần hoàn khép kín, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 1.000-2.000 con/mô hình. - 5 mô hình chăn nuôi lợn tuần hoàn khép kín, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 500-1000 con/mô hình. - Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. - Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.
2	Phát triển sản phẩm OCOP vật nuôi bản địa và các vật	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao giá trị kinh tế của vật nuôi bản địa, khai thác lợi thế cạnh tranh và bảo vệ môi trường. - Phát triển bền vững với 	Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các mô hình vật nuôi bản địa, vật nuôi khác theo hướng hàng hóa phục vụ phát 	<ul style="list-style-type: none"> - 12 mô hình chăn nuôi vật nuôi bản địa, vật nuôi khác phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. Quy mô 500-1.000 con/mô hình. - Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. - Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
	nuôi khác có giá trị, tiềm năng	các vật nuôi có tiềm năng thị trường. - Xây dựng thương hiệu hàng hóa thông qua tổ nhóm hợp tác và liên kết sản xuất.	bộ và Tây nguyên	triển sản phẩm OCOP.	phê duyệt.
3	Phát triển mô hình chăn nuôi đạt chứng nhận VietGAHP	- Nâng cao giá trị kinh tế, khai thác lợi thế cạnh tranh và bảo vệ môi trường. - Phát triển bền vững, xây dựng thương hiệu hàng hóa thông qua tổ nhóm hợp tác và liên kết sản xuất.	Toàn quốc	Xây dựng các mô hình chăn nuôi theo hướng hàng hóa đạt chứng nhận VietGAHP	- 15 mô hình chăn nuôi đạt chứng nhận VietGAHP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Quy mô 5.000-10.000 con/mô hình (gia cầm, thủy cầm); 500 - 1.000/mô hình đối với chăn nuôi gia súc ăn cỏ (bò, dê, cừu...) và 1000-2000 con/mô hình (lợn). - Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. - Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.

Phụ lục III

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC KHUYẾN NGŨ GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BNN-KHCN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Phát triển nuôi trồng thủy sản hữu cơ, kinh tế tuần hoàn	Phát triển sản xuất sản phẩm thủy sản hữu cơ, kinh tế tuần hoàn nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản xuất, tích hợp đa giá trị và phát triển sản xuất bền vững.	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none">- Phát triển nuôi giáp xác hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Phát triển nuôi cá biển hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Phát triển nuôi động vật thân mềm hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Phát triển trồng rong, tảo biển hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Phát triển nuôi cá nước ngọt trong ao/hồ hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Phát triển nuôi các đối tượng thủy đặc sản hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng được trên 15 mô hình nuôi trồng thủy sản hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Tập huấn cho người dân về ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...- Hiệu quả kinh tế tăng từ 10-15% so với ngoài mô hình; Nhân rộng được trên 15% so với quy mô theo kế hoạch được phê duyệt.
2	Phát triển chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản gắn với tổ chức sản xuất trong nuôi trồng thủy sản	Phát triển nuôi trồng thủy sản theo chuỗi giá trị gắn với tổ chức sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản xuất, phục vụ phát triển sản xuất bền vững.	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none">- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi giáp xác theo chuỗi giá trị.- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi cá biển theo chuỗi giá trị.- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi động vật thân mềm theo chuỗi giá trị.- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất trồng rong, tảo biển theo chuỗi giá trị.- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi cá nước ngọt trong ao/hồ theo chuỗi giá trị.- Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi cá nước ngọt trong lồng/bè theo chuỗi giá	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng được trên 15 mô hình tổ chức sản xuất, nuôi trồng thủy sản theo chuỗi giá trị.- Tập huấn cho người dân về tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông; Tài liệu, ấn phẩm ...- Hiệu quả kinh tế tăng từ 10-15% so với ngoài mô hình; Nhân rộng được trên 15% so với quy mô theo kế hoạch được phê duyệt.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
				trị. - Phát triển mô hình tổ chức sản xuất nuôi các đối tượng thủy đặc sản theo chuỗi giá trị.	
3	Phát triển vùng nguyên liệu OCOP thủy sản phục vụ du lịch, phát triển ngành nghề nông thôn	Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, xây dựng mô hình sản xuất các sản phẩm truyền thống đạt tiêu chuẩn chất lượng, phục vụ phát triển sản phẩm OCOP, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.	Toàn quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu giáp xác (tôm, cua) phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu cá biển phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu động vật thân mềm phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu rong, tảo biển phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu cá nước ngọt trong ao/hồ phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu cá nước ngọt trong lồng/bè phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Phát triển mô hình sản xuất vùng nguyên liệu các đối tượng thủy đặc sản phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên 15 mô hình sản xuất sản phẩm thủy sản phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Tập huấn cho người dân về tổ chức sản xuất sản phẩm thủy sản đạt chất lượng phục vụ phát triển sản phẩm OCOP. - Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông; Tài liệu, ấn phẩm ... - Hiệu quả kinh tế tăng từ 10-15% so với ngoài mô hình; Nhân rộng được trên 15% so với quy mô theo kế hoạch được phê duyệt.

Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- BNN-KHCN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm các dự án khuyến nông	Kết quả dự kiến
1	Phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề thủ công mỹ nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến thủ công mỹ nghệ, thúc đẩy các làng nghề phát triển giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam. - Nâng cao giá trị của rừng, nâng cao độ che phủ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, ổn định xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. 	Miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển vùng nguyên liệu Tre, Luồng phục vụ chế biến. - Phát triển vùng nguyên liệu Mây, Song phục vụ chế biến và xuất khẩu. 	<ul style="list-style-type: none"> - 500 ha mô hình trồng Tre, Luồng, Song, Mây cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ cho chế biến và các làng nghề thủ công mỹ nghệ. - Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của Doanh nghiệp, phát huy hiệu quả vai trò của tổ khuyến nông cộng đồng. - Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng $\geq 20\%$ so với các mô hình đại trà. - Khả năng nhân rộng mô hình $\geq 15\%$.
2	Phát triển mô hình trồng dược liệu gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và du lịch sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành vùng nguyên liệu cung cấp dược liệu phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. - Nâng cao năng suất và giá trị dược liệu; thúc đẩy hoạt động du lịch gắn với tiêu thụ sản phẩm bền vững. - Tăng cường đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững góp phần ổn định 	Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển vùng sản xuất dược liệu theo hướng dẫn GACP - WHO gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và du lịch sinh thái. - Phát triển vùng sản xuất dược liệu dưới tán rừng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và du lịch sinh thái. 	<ul style="list-style-type: none"> - 200 ha mô hình trồng cây dược liệu phục vụ chế biến trong nước và xuất khẩu. - Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của doanh nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái. - Hiệu quả kinh tế của mô hình tăng $\geq 20\%$ so với các mô hình trồng dược liệu truyền thống. - Nâng cao nhận thức của người dân về phát triển dược liệu theo hướng bền vững. - Khả năng nhân rộng mô hình $\geq 20\%$.

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện	Nhóm các dự án khuyến nông	Kết quả dự kiến
		sinh kế của người dân sống gần rừng. - Phát huy giá trị đa dụng của rừng góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao độ che phủ của rừng.			